

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 08/2021/DS-ST
Ngày: 17 - 11 - 2021
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dương
2. Ông Kim Na Rinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa:
Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, tiến hành đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 228/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lâm Thị L, sinh năm 1956 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã Mỹ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/7/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lâm Thị L trình bày và có yêu cầu như sau:

Từ năm 2017 đến năm 2019 bà Lâm Thị L có cho ông Nguyễn Văn T vay 03 lần với tổng số tiền 70.000.000đ, cụ thể lần 1 vào ngày 16/02/2017 âm lịch (âl) cho vay số tiền 25.000.000đ, lần 2 vào tháng 6/2018 âl cho vay số 15.000.000đ (không nhớ ngày nào), lần 3 vào tháng 8/2019 âl cho vay số tiền 30.000.000đ (không nhớ ngày nào); bà L cho rằng do chỗ quen biết nên bà cho

ông T vay không làm biên nhận, không tính lãi, ông T vay để làm vốn nuôi tôm, hứa khi nào thu hoạch tôm sẽ trả lại cho bà L.

Khi đến hạn trả là thu hoạch tôm, bà L yêu cầu ông T trả đủ vốn nhưng ông T không trả được do thu hoạch tôm thua lỗ nên hứa trả sau; đến năm 2020 bà L tiếp tục đòi tiền vốn vay 70.000.000 đồng, ông T không trả mà cho rằng không vay tiền của bà. Ngoài ra, bà L trình bày việc vay không làm biên nhận nhưng có người làm chứng là Nguyễn Thị Nh và Nguyễn Thị Kh biết rõ chứng minh ông T có vay tiền của bà.

Do đó, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T trả số tiền vay tổng cộng là 70.000.000 đồng, không tính lãi suất. Bà L không còn tranh chấp nào khác.

Những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn Nguyễn Văn T trình bày ý kiến như sau:

Về việc bà L yêu cầu ông T trả số tiền vay 70.000.000đ, ông T không đồng ý. Ông T xác định, ông và bà L là chỗ quen biết nhưng không vay tiền như bà L trình bày yêu cầu; do mâu thuẫn khác nên bà L vô cớ kiện ông, yêu cầu Tòa án xem xét; đối với người làm chứng là Nguyễn Thị Nh là chỗ quen biết với ông T và Nguyễn Thị Kh là em ruột của ông, tùy người làm chứng khai báo nhưng ông T xác định không có vay mượn tiền của bà L.

Ngoài ra, ông T không có yêu cầu phản tố đối với bà Lâm Thị L.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự, quá trình giải quyết nhận thấy bị đơn chấp hành chưa đúng pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Lâm Thị L. Về án phí xét bà L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên đề nghị áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bà Lâm Thị L khởi kiện ông Nguyễn Văn T tranh chấp tiền vay. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về “*Hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo

quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của bà Lâm Thị L buộc ông Nguyễn Văn T phải trả số tiền vay 70.000.000 đồng. Phía ông T không thừa nhận vay tiền nên không nợ, không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà L; phía bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc khởi kiện của mình.

[3] Xét lời khai của bà L cho rằng việc vay có người làm chứng là bà Nguyễn Thị Kh và bà Nguyễn Thị Nh có nghe, có biết sự việc. Qua xác minh bà Kh cho rằng việc vay giữa bà L và ông T, bà không trực tiếp biết, chỉ nghe bà L nói lại là ông T (anh ruột bà Kh) vay tiền của bà nên bà Kh gọi điện hỏi ông T về tiền vay của bà L thì ông T chỉ nói việc làm ăn của ông và bà L có 10.000.000đ, ông T không nói gì thêm, do đó việc vay này bà không biết rõ nên không làm chứng được; qua xác minh đối với bà Nh cho rằng việc vay giữa bà L và ông T bà không trực tiếp biết, chỉ nghe bà L nói lại và trong thời gian quen biết với ông T, bà Nh cũng không nghe ông T thừa nhận vay tiền của bà L nên không làm chứng được trong vụ kiện này.

Kết quả xác minh không ai biết rõ việc vay giữa bà L và ông T. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy kết quả xác minh là không có cơ sở chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà L.

[4] Xét tường trình của bà L về đoạn ghi âm: Nội dung ghi âm bà L nghe bà Kh (em ruột ông T) kể lại “ông T nói chuyện làm ăn tao có mượn 10.000.000 đồng”. Bà L yêu cầu xem xét lời thừa nhận của ông T qua lời kể của bà Kh. Xét thấy, nội dung ghi âm là lời của bà Kh kể cho bà L nghe, chứ không phải lời nói của ông T thừa nhận vay tiền của bà L, như qua xác minh bà Kh xác định chỉ nghe ông T nói lại, bà không rõ 10.000.000 đồng là tiền gì. Phía ông T xác định không nói gì với bà Kh về số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, tường trình về đoạn ghi âm của bà L là chưa có cơ sở chứng minh cho yêu cầu của bà.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu của bà L buộc ông T phải trả tiền vay 70.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Bà L không tranh chấp tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do khởi kiện của bà Lâm Thị L không được chấp nhận nên buộc bà L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy bà L là người cao tuổi, bà L có đơn xin miễn án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định quy định mức thu, miễn, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên Hội đồng xét miễn toàn bộ án phí cho bà L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35, 39, 91, 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12, 14, 15, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị L về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền vay 70.000.000 đồng.

- **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Miễn án phí cho bà Lâm Thị L theo quy định.

- **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa